



FROM



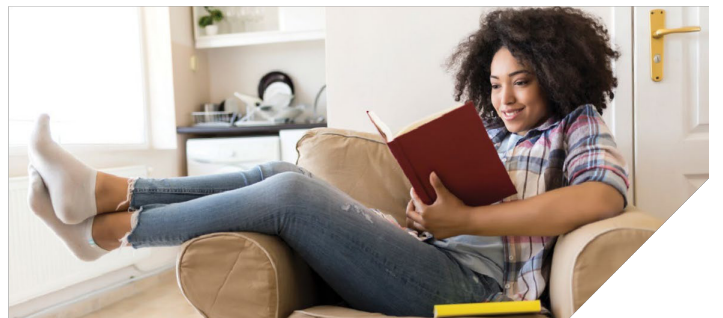
arkansas
health & wellness™



DANH MỤC THUỐC NĂM 2025

ARKANSAS CONNECTED SILVER

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2025



Ambetter.ARhealthwellness.com

Formulary Introduction

FORMULARY

The Ambetter from Arkansas Health and Wellness Connected Silver Formulary, or Prescription Drug List, is a guide to available brand and generic drugs that are approved by the Food and Drug Administration (FDA) and covered through your prescription drug benefit. Generic drugs have the same active ingredients as their brand name counterparts and should be considered the first line of treatment. The FDA requires generics to be safe and work the same as brand name drugs. If there is no generic available, there may be more than one brand name drug to treat a condition. Preferred brand name drugs are listed on Tier 2 to help identify brand drugs that are clinically appropriate, safe, and cost-effective treatment options, if a generic medication on the formulary is not suitable for your condition.

Please note, the Formulary is not meant to be a complete list of the drugs covered under your prescription benefit. Not all dosage forms or strengths of a drug may be covered. This list is periodically reviewed and updated and may be subject to change. Drugs may be added or removed, or additional requirements may be added in order to approve continued usage of a specific drug.

Specific prescription benefit plan designs may not cover certain products or categories, regardless of their appearance in this document. Please check your benefits for coverage limitations and your share of cost for your drugs.

Drug List Key:

Brand name drugs are listed in CAPS and generic drugs are lower case. Drugs are covered under different copay tiers depending on your benefit:

- Tier 0** - No copayment for those drugs that are used for prevention and are mandated by the Affordable Care Act. Select oral contraceptives, vitamin D, folic acid for women of child bearing age, over-the-counter (OTC) aspirin, and smoking cessation products may be covered under this tier. Certain age limits may apply.
- Tier 1** - Lowest copayment for select drugs that offer the greatest value compared to other drugs used to treat similar conditions. Select over-the-counter (OTC) drugs may be covered under this tier.
- Tier 2** - Medium copayment covers brand name drugs that are generally more affordable, or may be preferred compared to other drugs to treat the same conditions.
- Tier 3** - High copayment covers higher cost brand name and non-preferred generic drugs. This tier may also cover non-specialty drugs that are not on the Prescription Drug List but approval has been granted for coverage
- Tier 4** - Highest copayment is for “specialty” drugs used to treat complex, chronic conditions that may require special handling, storage or clinical management.

Prior Authorization for Non-Formulary Drugs

To obtain prior authorization for a non-formulary drug, your provider must fill out the Prior Authorization form. Pharmacy Services will respond via fax or phone within 24 hours of receipt of all necessary information for urgent requests, and within 72 hours for non-urgent requests, unless state law requires faster response. If the request is disapproved, the notice of disapproval will contain a clear explanation of the specific reasons for disapproving the prior authorization request, or if the request was incomplete, the explanation will identify the missing material information that is necessary to complete the request.

Formulary Abbreviations:

Abbreviation	Term	What it means
AL	Age Limit	Some drugs are only covered for certain ages.
QL	Quantity Limit	Some drugs are only covered for a certain amount.
PA	Prior Authorization	Your doctor must ask for approval from Ambetter before some drugs will be covered.
ST	Step Therapy	In some cases, you must first try certain drugs before Ambetter covers another drug for your medical condition. For example, if Drug A and Drug B both treat your medical condition, Ambetter may not cover Drug B unless you try Drug A first.
NF	Non-formulary	This product is not covered unless you or your provider request an exception. Alternative medications are listed next to non-covered product
RX/OTC	Prescription and OTC	These drugs are made in both prescription form and Over-the-counter (OTC) form.
SP	Specialty Drug	These products are Specialty Drugs that may have special fill requirements.
SF	Split Fill	Initially, certain medications may only be available in 15-day-supply increments until you are stabilized on the medication. After you have been taking the medication for 90 days, this restriction may no longer apply.

Opioid Medications:

Medications identified on the formulary by “**New starts limited to 7 day supply**” allow up to two 7 day fills during any 28 day period and up to a total of 28 day non-consecutive supply in any 90 day period. This limit applies cumulatively to all opioid medications filled. For fills exceeding these limits, your providers may submit a Prior Authorization request.

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Connected Silver của Ambetter from Arkansas Health and Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc kê toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc được chọn bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) được chọn có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng tình trạng.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao bao gồm các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự chấp thuận trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ Nhà Thuốc sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu bị từ chối, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc theo toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên bị giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc đủ dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc thuộc nhóm opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Sự Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiant Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 EA daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 EA daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.072 EA daily); PA
CYLTEZO (2 PEN) AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 EA daily); PA	HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.215 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.29 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	Gold Compounds		
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Interleukin-1 Blockers		
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
<i>etodolac CAPS</i>	1	
<i>etodolac TABS</i>	1	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>indomethacin CPR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(0.667 EA daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA XR TB24 PO 75 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBP</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>OTEZLA TBP</i>	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>OTEZLA TBP</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
Salicylates			<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1	
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1		<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1		<i>methadone hcl CONC</i>	0	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	0	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(10 EA daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(4 EA daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	0	QL(2 EA daily)
CODEINE SULFATE TABS	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 EA daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 EA daily)	<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)
<i>hydrocodone bitartrate CP12</i>	3	QL(2 EA daily); PA			
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	3	QL(2 EA daily); PA			
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1		<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG</i>	3	QL(8 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
Opioid Combinations			<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)			
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ML daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ML daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	3	
ZUBSOLV SUBL	3	
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methyitestosterone TABS</i>	1	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 GM daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1	
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
ASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Asthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ML daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 EA daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ML daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 EA daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ML daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1	QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDIHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU</i>	1	QL(15 ML daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1	
ANORO ELLIPTA 25 MCG/ACT-62.5 MCG/ACT (<i>umeclidinium-vilanterol</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 GM daily)
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)
DULERA	2	
fluticasone furoate-vilanterol	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
fluticasone-salmeterol AERO	1	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
formoterol fumarate NEBU	1	QL(4 ML daily)
ipratropium-albuterol SOLN	1	QL(18 ML daily)
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	1	
levalbuterol hcl	1	QL(12 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
levalbuterol tartrate	1	QL(0.5 GM daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
STRIVERDI RESPIMAT	2	
terbutaline sulfate SOLN	1	
terbutaline sulfate TABS	1	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 EA daily)
umeclidinium-vilanterol	2	QL(2 EA daily)
Xanthines		
theophylline ELIX	1	
theophylline SOLN	1	QL(56 ML daily)
theophylline TB12	1	
theophylline TB24	1	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
warfarin sodium TABS	1	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	1	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
rivaroxaban TABS 2.5 MG	1	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)	FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 EA daily)	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1	
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(2 EA daily)	<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1	
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)	Thrombin Inhibitors		
Heparins And Heparinoid-Like Agents			<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1	
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)	ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)	FYCOMPA TABS 4 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP	FYCOMPA TABS 6 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(2 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)	FYCOMPA TABS 2 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(6 EA daily); PA
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG (<i>perampanel</i>)	3	QL(1 EA daily); PA
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP	<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1	QL(3 EA daily); PA
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ML per 180 day(s) retail; 5 ML per 180 days mail); SP	<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP	<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ML per 180 day(s) retail; 7 ML per 180 days mail); SP	<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1	QL(6 EA daily); PA
			Anticonvulsants - Benzodiazepines		
			<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ML daily); PA
			<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 EA daily); PA
			<i>clonazepam TABS</i>	1	
			<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>eslicarbazepine acetate</i> 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	1	QL(2 EA daily); ST
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ML daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1	
APTiom 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG (<i>eslicarbazepine acetate</i>)	3	QL(2 EA daily); ST	<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (<i>lamotrigine</i>)	3	
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 EA daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 EA daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1		<i>lamotrigine TABS</i>	1	
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ML daily)
DIACOMIT CAPS	4	QL(12 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ML daily); PA	DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1		<i>fosphenytoin sodium</i>	1	
<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ML daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 EA daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA	<i>phenytoin CHEW</i>	1	
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin SUSP</i>	1	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2		Succinimides		
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 EA daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1	QL(30 ML daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>methsuximide</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1	
<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1	
Carbamates			<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1	
<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ML daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1	
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 EA daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
GABA Modulators			<i>mirtazapine TABS</i>	1	
<i>tiagabine hcl</i>	1		<i>mirtazapine TBDP</i>	1	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Antidepressants - Misc.		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl TABS</i>	1	
Hydantoins			<i>bupropion hcl TB12</i>	1	
DILANTIN	2		<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		EMSAM	3	QL(1 EA daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
			<i>phenelzine sulfate</i>	1	
			<i>tranylcypromine sulfate</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1	
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1	
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1	
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1	
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1	
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1	
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1	
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1	
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1	
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1	
<i>amoxapine</i>	1	
<i>clomipramine hcl</i>	1	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1	
<i>imipramine pamoate</i>	1	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1	
<i>protriptyline hcl</i>	1	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)	Biguanides		
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1	QL(2.5 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1	QL(5 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	Diabetic Other		
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>diazoxide</i>	3	
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1	QL(0.035 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Incretin Mimetic Agents		
			<i>liraglutide</i>	1	QL(0.3 ML daily)
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
			OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA	NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ML daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
Insulin			NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	NOVOLIN R SOLN IJ	2	
APIDRA SOLN	3	PA	REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ML daily)	SEMGLEE (YFGN) SOLN	2	
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ML daily)	SEMGLEE (YFGN) SOPN	2	
INSULIN ASP PROT & ASP FLEXPEN SUPN	1		Insulin Sensitizing Agents		
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1		<i>pioglitazone hcl</i>	1	QL(1 EA daily)
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1		Meglitinide Analogues		
INSULIN ASPART PROT & ASPART SUSP	1		<i>nateglinide</i>	1	QL(3 EA daily)
INSULIN ASPART SOLN IJ	1		<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
INSULIN DEGLUDEC FLEXTouch SOPN	2		<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2		Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2		<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2		FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1		JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1		Sulfonylureas		
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1		<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1		<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
			<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
			<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 EA daily)
			<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
			<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
			ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
			Antiperistaltic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 EA daily); PA
VARUBI (180 MG DOSE) TBPk	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>caspofungin acetate</i>	1		<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
ERAXIS	3		<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	
<i>micafungin sodium</i>	1	PA	<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1	
Antifungals			<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>amphotericin b IV</i>	3		<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>amphotericin b liposome</i>	3		<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>flucytosine</i>	1		Antihistamines - Non-Sedating		
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL (At least 2 yrs old)	<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL (1 EA daily)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1		<i>desloratadine TABS</i>	1	QL (1 EA daily)
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1		<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL (1 EA daily)
<i>nystatin TABS</i>	1		<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL (10 ML daily); RX/OTC
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL (1 EA daily)	<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL (1 EA daily); RX/OTC
Imidazole-Related Antifungals			<i>loratadine CAPS</i>	1	
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>loratadine CHEW</i>	1	
<i>fluconazole SUSR</i>	1		<i>loratadine SOLN</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1		<i>loratadine TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL (4 EA daily); PA	<i>loratadine TBDP</i>	1	
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL (20 ML daily); PA	Antihistamines - Phenothiazines		
<i>ketoconazole</i>	1		<i>promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML, 12.5 MG/10ML</i>	1	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL (20 ML daily)	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL (6 EA daily)
TOLSURA CAPS	4	PA	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1	
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL (4 EA daily)	<i>promethazine hcl TABS</i>	1	
ANTI-HISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			Antihistamines - Piperidines		
Antihistamines - Alkylamines			<i>ciproheptadine hcl SYRP</i>	1	
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1		<i>ciproheptadine hcl TABS</i>	1	
Antihistamines - Ethanolamines			ANTI-HYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1				
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 EA daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 EA daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 EA daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 GM daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1		<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1		<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1	
<i>ramipril CAPS</i>	1		<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1	
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 EA daily)
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1	
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1	
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	ST
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 EA daily)			
Antiadrenergic Antihypertensives					
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 EA daily)			
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 EA daily)			
<i>doxazosin mesylate</i>	1				
<i>guanfacine hcl</i>	1				
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 EA daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 EA daily)			
<i>terazosin hcl</i>	1				
Antihypertensive Combinations					
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
IMPAVIDO	3	QL(3 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metronidazole TABS 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>trimethoprim TABS</i>	1	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ML per fill retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 EA daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 EA daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1	
<i>melphalan hcl IV</i>	1	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA	MVASI	4	PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ZIRABEV	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Antibodies		
<i>mercaptopurine TABS</i>	1		ADCETRIS	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1		ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	SP	LOQTORZI	4	PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1	SP	RUXIENCE	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	TRUXIMA	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	YERVOY	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
TABLOID	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	OGIVRI	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			PERJETA	4	SP; PA
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA	TRAZIMERA	4	PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TUKYSA	4	PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	ERBITUX	4	SP; PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TAGRISSO 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	TAGRISSO 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA
			VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
			VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA
			Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
			DAURISMO	4	PA
			ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA
			ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA
			Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>anastrozole</i>	1	QL(1 EA daily)	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bicalutamide</i>	1	QL(1 EA daily); SP	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	YONSA	4	QL(4 EA daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA	POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP	Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 EA daily); PA
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) 50 MG	4	PA
<i>letrozole</i>	1		XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	4	PA
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA	XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) 40 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) 60 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY)	4	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA	XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) 40 MG	4	PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY)	4	PA
LYSODREN	4	SP; PA	Antineoplastic Antibiotics		
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1		<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>megestrol acetate TABS</i>	1		<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>nilutamide</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
ORGOVYX	4	PA	<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0				
<i>toremifene citrate</i>	1				
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 EA daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ML daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 EA daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 EA daily); PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
BRAFTOVI 75 MG	4	QL(6 EA daily); SP; PA	KOSELUGO	4	PA
BRUKINSA	4	PA	KYPROLIS	4	PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
CALQUENCE	4	QL(2 EA daily); PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA	LUMAKRAS 320 MG	3	QL(3 EA daily); PA
			LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	3	QL(2 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA	TABRECTA	4	QL(4 EA daily); PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA
MEKTOVI	4	QL(6 EA daily); SP; PA	TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
<i>nilotinib hcl 150 MG, 200 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
<i>nilotinib hcl 50 MG</i>	4	QL(4 EA daily); PA	TASIGNA 50 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	4	QL(4 EA daily); PA
NINLARO	4	QL(0.143 EA daily); PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG (<i>nilotinib hcl</i>)	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	TAZVERIK	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 EA daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA
PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	4	QL(1 EA daily); SP; PA	TIBSOVO	4	PA
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	TURALIO 125 MG	4	PA
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
QINLOCK	4	PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	XOSPATA	4	PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 EA daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 EA daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 EA daily); PA
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 EA daily); SP; PA	ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA	Antineoplastic Enzymes		
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA	ONCASPAR	4	SP; PA
			Antineoplastics Misc.		
			ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	<i>HYCANTIN CAPS</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1		<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>MATULANE</i>	4	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>NIPENT</i>	4	SP; PA	ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
<i>PHOTOFRIN</i>	4	SP; PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>PROLEUKIN</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa</i>	1	
<i>SYNRIBO</i>	4	SP; PA	Antiparkinson Anticholinergics		
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1		<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	
<i>UVADEX</i>	4	SP; PA	<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1		<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1		Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>VORAXAZE</i>	4	SP; PA	<i>entacapone</i>	1	QL(8 EA daily)
Mitotic Inhibitors			<i>tolcapone</i>	1	
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antiparkinson Dopaminergics		
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl CAPS</i>	1	
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl SOLN</i>	1	
<i>ETOPOPHOS</i>	4	SP; PA	<i>amantadine hcl TABS</i>	1	
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA	<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1	
<i>HALAVEN (eribulin mesylate)</i>	4	SP; PA	<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1	
<i>IXEMPRA KIT 15 MG</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1	
<i>JEVTANA</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1	
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1	
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1	
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NEUPRO	2		PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 EA daily)	<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 EA daily); PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1		<i>risperidone SOLN</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1		<i>risperidone TABS</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 EA daily); ST	<i>risperidone TBDP</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 EA daily); ST	Butyrophenones		
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ML daily)
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 EA daily); PA	<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1		<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1		<i>haloperidol TABS</i>	1	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			Dibenzapines		
Antimanic Agents			<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>lithium</i>	1		<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1		<i>clozapine TABS</i>	1	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1		<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1		<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
Antipsychotics - Misc.			<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
EQUETRO	3		<i>loxapine succinate</i>	1	
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 EA daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Benzisoxazoles			<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
FANAPT	2	QL(2 EA daily)	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
FANAPT TITRATION PACK A	2		<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1	AL(At least 10 yrs old)
<i>paliperidone</i>	1		<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1	
			Phenothiazines		
			<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1		<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1		<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1		DELSTRIGO	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1		DOVATO	3	QL(1 EA daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1		EDURANT	3	QL(1 EA daily)
<i>perphenazine TABS</i>	1		<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>prochlorperazine</i>	1		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1		<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>thioridazine hcl</i>	1		<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1		<i>efavirenz TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
Quinolinone Derivatives			<i>emtricitabine CAPS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)
REXULTI	3	PA	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
Thioxanthenes			EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ML daily)
<i>thiothixene</i>	1		<i>etravirine 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			<i>etravirine 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
Antiretrovirals			EVOTAZ	3	QL(1 EA daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ML daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 EA daily)	GENVOYA	3	QL(1 EA daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 EA daily)	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 EA daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	ISENTRESS CHEW	3	QL(6 EA daily)
BIKTARVY	3	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS	3	QL(2 EA daily)
CIMDUO	3	QL(1 EA daily); ST	JULUCA	3	QL(1 EA daily)
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)	KALETRA SOLN	2	QL(12.5 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lamivudine SOLN</i>	1	QL(30 ML daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1	QL(2 EA daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1	QL(12.5 ML daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	1	QL(40 ML daily)
<i>nevirapine TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 EA daily)
ODEFSEY	3	QL(1 EA daily)
PIFELTRO	3	QL(1 EA daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 EA daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ML daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)
RETROVIR SOLN	3	
<i>ritonavir TABS</i>	1	QL(12 EA daily)
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 EA daily)
STRIBILD	3	QL(1 EA daily)
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1	
TIVICAY TABS	3	QL(2 EA daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 EA daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 EA daily)
TYBOST	3	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 EA daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 EA daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 GM daily)
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ML daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 EA daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1	QL(3 EA daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1	QL(7 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1	QL(7 EA daily)
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1	QL(1 EA daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1	QL(13.34 ML daily)
<i>acyclovir TABS PO</i>	1	QL(5 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1	
<i>atenolol TABS</i>	1	
<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1	
<i>pindolol TABS</i>	1	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
DILTIAZEM HCL SOLR	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>felodipine</i>	1	
<i>isradipine CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 EA daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1	
<i>nisoldipine</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 EA daily); PA
STENDRA (<i>avanafil</i>)	3	QL(0.134 EA daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 EA daily); PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors			<i>cefadroxil SUSR</i>	1	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA	<i>cefadroxil TABS</i>	1	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA	<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>cephalexin CAPS</i>	1	
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	<i>cephalexin SUSR</i>	1	
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist			Cephalosporins - 2nd Generation		
UPTRAVI TITRATION TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA	<i>cefaclor CAPS</i>	1	
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA	<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1	
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA	<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1	
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA	<i>cefprozil SUSR</i>	1	
Sinus Node Inhibitors			<i>cefprozil TABS</i>	1	
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA	<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1	
Transthyretin Stabilizers			<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1	
VYNDAMAX	4	QL(1 EA daily); PA	Cephalosporins - 3rd Generation		
VYNDAQEL	4	QL(4 EA daily); PA	<i>cefdinir CAPS</i>	1	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>cefdinir SUSR</i>	1	
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefixime CAPS</i>	1	
<i>cefadroxil CAPS</i>	1		<i>cefixime SUSR</i>	1	ST
			<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1	
			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1	
			<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1	
			<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1	
			Cephalosporins - 4th Generation		
			<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1	
			Cephalosporins - 5th Generation		
			TEFLARO	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
AVERI TABS PO	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ML per 90 day(s) retail)
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 EA daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1	
<i>dexamethasone TABS</i>	1	
EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<i>prednisolone TABS</i>	1	
<i>prednisone SOLN</i>	1	
<i>prednisone TABS</i>	1	
<i>prednisone TBPK</i>	1	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF (<i>hydrocortisone sod succinate</i>)	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetate SUSP 40 MG/ML</i>	1	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1	
NEBUSAL NEBU	1	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
AZELEX	3	QL(50 GM per 30 day(s) retail; 50 GM per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1	QL(8 ML daily)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1	
<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1	
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>luliconazole</i>	1	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 EA daily); PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 GM daily); RX/OTC	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 GM daily); PA	<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 GM daily)	SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antipruritics - Topical			STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
Antipsoriatics			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1	QL(1 GM daily)
<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 EA daily)	TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)	TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 GM daily); PA	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 GM daily); PA	Antiseborrheic Products		
<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ML daily); PA	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1	
<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 GM daily)	Antivirals - Topical		
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
			<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
			Burn Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 GM daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	ST
SULFAMYLON CREA	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 GM daily); PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 GM daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 GM daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 GM daily); ST
<i>amcinonide CREA</i>	1	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 GM daily); ST
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 GM daily); PA
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ML daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1		CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 GM daily)	<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 GM daily)	<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ML daily)	<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 GM daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 GM daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(6 GM daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ML daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA
			<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 GM daily)
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 GM daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ML daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1		<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide CREA</i>	1	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ML daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 GM daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 GM daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(3.34 ML daily)	Eczema Agents		
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 GM daily)	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
<i>halcinonide CREA</i>	1	PA	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 GM daily)	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
HALOG OINT	3	PA	Emollients		
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1		<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 GM daily); RX/OTC	Enzymes - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 GM daily)	SANTYL OINT	3	PA
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 GM daily)	Immunomodulating Agents - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ML daily)			
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
<i>EUCRISA</i>	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1	
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1	
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1	
KETONE TEST STRP	1	
KETOSTIX STRP	1	
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1	
PRECISION XTRA KETONE	1	
RELION KETONE TEST STRP	1	
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1	QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1	
<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 EA daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 EA daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1	
Loop Diuretics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1	
<i>furosemide TABS</i>	1	
<i>torsemide TABS</i>	1	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1	
<i>spironolactone TABS</i>	1	
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>metolazone</i>	1	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
ELAPRASE	4	SP; PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>paricalcitol SOLN</i>	1		BIJUVA	3	PA
PHEBURANE PLLT	4	PA	CLIMARA PRO	3	
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA	DUAVEE	3	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA	<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA	PREMPHASE	2	
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA	PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
STRENSIQ	4	PA	Estrogens		
Posterior Pituitary Hormones			DEPO-ESTRADIOL	3	
<i>desmopressin acetate spray</i>	1		ELESTRIN GEL	3	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1		<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA	<i>estradiol GEL</i>	1	
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA	<i>estradiol GEL</i>	3	
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 EA daily)	<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.572 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 EA daily)	<i>estradiol PTWK</i>	1	
Prolactin Inhibitors			<i>estradiol TABS</i>	1	
<i>cabergoline</i>	1		ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
Somatostatic Agents			<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA	EVAMIST SOLN	3	
SIGNIFOR	4	PA	MENEST 2.5 MG	3	
Vasopressin Receptor Antagonists			MENOSTAR PTWK	3	
JYNARQUE TBPK 15 MG (<i>tolvaptan</i>)	4	SP; PA	PREMARIN SOLR	2	
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
<i>tolvaptan TBPK 15 MG</i>	4	SP; PA	FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			Fluoroquinolones		
Estrogen Combinations			BAXDELA SOLR	3	PA
			BAXDELA TABS	3	PA
			<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1	
			<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
5-HT4 Receptor Agonists		
<i>prucalopride succinate</i>	1	QL(1 EA daily)
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)		
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 EA daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ML daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 EA daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	PA
<i>mesalamine CPDR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 EA daily)
LINZESS	2	QL(1 EA daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1	
MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lanthanum carbonate</i> CHEW	1	
<i>sevelamer carbonate</i> PACK	1	
<i>sevelamer carbonate</i> TABS	1	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate</i> (alkalinizer) TBCR	1	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN</i> 1.5 %	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 200 MG	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 EA daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 EA daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 EA daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
IDELVION	4	PA
JIVI 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 EA daily); PA
BRILINTA 60 MG, 90 MG (<i>ticagrelor</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>cilostazol</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ML daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTelet	4	QL(3 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
MULPLETA	4	QL(1 EA daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK 12.5 MG, 25 MG (<i>eltrombopag olamine</i>)	4	QL(1 EA daily); PA
PROMACTA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG (<i>eltrombopag olamine</i>)	4	QL(1 EA daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
HEMATINIC/FOLIC ACID	1	QL(1 EA daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	
<i>phenobarbital TABS</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1	
<i>temazepam</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1	
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1	
<i>azithromycin SOLR</i>	1	
<i>azithromycin SUSR</i>	1	
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1	
<i>clarithromycin TABS</i>	1	
<i>clarithromycin TB24</i>	1	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
<i>DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin)</i>	2	
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
<i>AIMSCO LUBRICATED MISC</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>CAYA DPRH</i>	0	
<i>DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>DUREX TROPICAL MISC</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>FANTASY LUBRICATED MISC</i>	0	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
			TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
			TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FEMCAP DEVI	0		TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0	
MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0	
MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0	
REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)			
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)			
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)			
TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0		BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0		EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0		EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0		EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
Diabetic Supplies			EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1	QL(5 EA daily); RX/OTC
FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA	UBRELVY	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST
FREESTYLE LIBRE READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA	Migraine Combinations		
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1	RX/OTC	<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	QL(1.5 EA daily)
RELION LANCET DEVICES 30G	1	RX/OTC	<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
RELION LANCETS	1	RX/OTC	Migraine Products		
SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ML daily)
SELECT LANCETS	1B	6.66/day	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1	
SELECT LANCETS	1	6.66/day			
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1				
Parenteral Therapy Supplies					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
Serotonin Agonists			<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	Bicarbonates		
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>dextrose in lactated ringers</i>	1	
			<i>electrolyte-148</i>	1	
			<i>electrolyte-a</i>	1	
			IONOSOL-MB IN D5W	1	
			ISOLYTE-P IN D5W	1	
			ISOLYTE-S	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1		Phosphate		
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1		<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1	
<i>lactated ringer's</i>	1		Potassium		
NORMOSOL-M IN D5W	1		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1	
NORMOSOL-R PH 7.4	1		<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1	
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1		<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1		<i>potassium chloride CPCR</i>	1	
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1		<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1	PA
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1		<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1	
POTASSIUM CHLORIDE IN NACL 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1	
<i>ringer's</i>	1		Sodium		
Fluoride			<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1	
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)	MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Magnesium			Chelating Agents		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1		<i>penicillamine CAPS</i>	1	PA
			<i>penicillamine TABS</i>	1	QL(8 EA daily)
			<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA
			Immunomodulators		
			<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
			<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1	
Immunosuppressive Agents			<i>water for irrigation, sterile</i>	1	
ATGAM	4	SP; PA	Potassium Removing Agents		
AZATHIOPRINE SODIUM	1		LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA
<i>azathioprine TABS</i>	1		<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1		<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1		MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
<i>cyclosporine CAPS</i>	1		Anesthetics Topical Oral		
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1		<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
ENSPRYNG	4	PA	<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ML daily)
<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA	Anti-infectives - Throat		
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA	<i>clotrimazole</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1		<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1		Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>mycophenolate sodium</i>	1		<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
NULOJIX	4	SP; PA	DEBACTEROL	2	
PROGRAF PACK	2	PA	Dental Products		
PROGRAF SOLN	2		<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
SIMULECT	3		Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>sirolimus TABS</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1		Throat Products - Misc.		
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1		<i>cevimeline hcl</i>	1	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA	<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1	
Irrigation Solutions			MULTIVITAMINS		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1		Ped MV w/ Fluoride		
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1		<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1	RX/OTC
			Prenatal Vitamins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)	PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)	VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS -		
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	Drugs to Treat Spasms		
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)	Central Muscle Relaxants		
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)	<i>baclofen</i> TABS	1	
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC	<i>carisoprodol</i> TABS	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 GM daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ML daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1	
IOPIDINE	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Ophthalmic Anti-infectives			<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3		MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1		<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1		<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1		<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ML daily)
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1		PRED MILD	3	PA
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1		<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
NATACYN	2		<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1		Ophthalmics - Misc.		
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1		ALOCRIAL	3	PA
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1		ALOMIDE	3	PA
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1		<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1		<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>trifluridine</i>	1		<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1	
ZIRGAN GEL	2		<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
Ophthalmic Immunomodulators			CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA	<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
Ophthalmic Local Anesthetics			<i>dorzolamide hcl</i>	1	
<i>proparacaine hcl</i>	1		<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
Ophthalmic Steroids			<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA	<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ML daily)	<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
<i>difluprednate</i>	1	PA	LASTACFT	3	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1		NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
FML FORTE SUSP	3	PA	<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	RX/OTC
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ML daily)
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Prostaglandins - Ophthalmic			GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR	4	SP; PA
<i>bimatoprost SOLN</i>	3		GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
<i>latanoprost SOLN</i>	1		GAMUNEX-C	4	SP; PA
<i>tafluprost</i>	1		Monoclonal Antibodies		
<i>travoprost SOLN</i>	1		BEYFORTUS	0	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear			Passive Immunizing Agents - Combinations		
Otic Agents - Miscellaneous			HYQVIA	4	PA
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ML daily)	PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Otic Anti-infectives			Aminopenicillins		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1		<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1		<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
Otic Combinations			<i>amoxicillin SUSR</i>	1	
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1		<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1	QL(0.5 EA daily); PA	<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1	
CORTISPORIN-TC	3		<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ML daily)	Natural Penicillins		
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1		PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
Otic Steroids			<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1		<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1		<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System			<i>penicillin v potassium TABS</i>	1	
Immune Serums			Penicillin Combinations		
GAMMAGARD 30 GM/300ML	4	PA	<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1	
GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA	<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1	
			<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	
<i>lofexidine hcl</i>	1	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
<i>LUCEMYRA (lofexidine hcl)</i>	3	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1	
<i>memantine hcl TABS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(1.2 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1	
<i>pimozide</i>	1	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1	
<i>propylthiouracil</i>	1	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1	
NP THYROID TABS	1	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS TD SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1	QL(6 EA daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
<i>famotidine SUSR</i>	1	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1	
<i>NEXIUM 24HR TBEC 20 MG</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 EA daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1	
<i>trospium chloride CP24</i>	1	QL(1 EA daily)
<i>trospium chloride TABS</i>	1	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO 0.5 ML	0	
CAPVAXIVE	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI 0.5 ML	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PENBRAYA	0	
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
AUDENZ EMUL	0	
AUDENZ PRSY	0	
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0	
COMIRNATY SUSP	0	
COMIRNATY SUSY	0	
ENGRIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGRIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	QL(0.5 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	
FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 292 day(s) retail; 2 max fill(s) per 292 day(s) mail
FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	IPOL IJ	0	
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	JYNNEOS	0	
FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
			MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0	
			MODERNA COVID-19 BIVALENT	0	
			MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
MRESVIA	0		VAQTA	0	
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0		Spermicides		
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0		VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		Vaginal Anti-infectives		
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>metronidazole vaginal</i>	1	
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
RECOMBIVAX HB SUSP	0		<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
RECOMBIVAX HB SUSY	0		<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
ROTARIX SUSP	0		Vaginal Anti-inflammatory Agents		
ROTATEQ SOLN	0		<i>hydrocortisone vaginal</i>	1	QL(15.15 GM daily)
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)	Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0		PHEXX	0	PV
SPIKEVAX SUSP	0		PHEXXI	0	PV
SPIKEVAX SUSY	0		Vaginal Estrogens		
TWINRIX SUSY	0		<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 GM daily)
VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0		<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
			FEMRING	3	PA
			PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
			VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
			Anaphylaxis Therapy Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ML daily)
NIACIN ER TBCR	1	
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	30	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	44	AIMOVIG	52
abacavir sulfate TABS	30	ACTHAR GEL	44	AIMSCO LUBRICATED MISC	50
abacavir sulfate-lamivudine	30	ACTHIB SOLR IM	64	AKYNZEO	17
abiraterone acetate 250 MG	25	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27	albendazole	7
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir CAPS	31	albuterol sulfate AERS	9
ABRYSVO	64	acyclovir SUSP	31	albuterol sulfate NEBU	9
acamprosate calcium	60	acyclovir TABS PO	31	albuterol sulfate SYRP	9
acarbose	14	acyclovir topical CREA	39	albuterol sulfate TABS	9
acebutolol hcl CAPS	32	acyclovir topical OINT	39	alclometasone dipropionate CREA 40	
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	62	alclometasone dipropionate OINT .40	
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	62	ALDURAZYME	44
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	adapalene CREA	37	ALECENSA	26
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adapalene GEL	37	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetazolamide CP12	43	ADCETRIS	24	alfuzosin hcl	47
acetazolamide sodium	43	adefovir dipivoxil	31	ALINIA SUSR	21
acetazolamide TABS 125 MG	43	ADEMPAS	34	aliskiren fumarate	21
acetazolamide TABS 250 MG	43	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG ...	62	allopurinol 100 MG, 300 MG	47
acetic acid (otic)	59	ADVATE	47	almotriptan malate 12.5 MG	53
acetic acid 0.25 %	47	ADYNOVATE	47	almotriptan malate 6.25 MG	53
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	64	ALOCRIAL	58
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP 64		alogliptin benzoate	15
acitretin 25 MG	39	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	64	alogliptin-metformin hcl	14
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3	AFLURIA SUSP	64	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	47	alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3			ALOMIDE	58
ACTEMRA SOSY	3			alosetron hcl	46

alprazolam TABS	8	calcium	33	amphotericin b liposome	18
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	60
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	ampicillin CAPS 500 MG	59
ALPROLIX	47	amlodipine besylate-valsartan	20	ampicillin sodium IV 10 GM	59
ALREX SUSP (Ioteprednol etabonate)	58	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	anagrelide hcl	48
ALTABAX	38	amoxapine	14	anastrozole	25
ALTUVIIIO 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT, 4000 UNIT	47	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 59		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		ANNOVERA	35
ALUNBRIG TBPk	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		ANORO ELLIPTA 25 MCG/ACT-62.5 MCG/ACT (umeclidinium-vilanterol) 9	
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12	60	ANZEMET TABS 50 MG	17
alvimopan	46	amoxicillin CAPS	59	APIDRA SOLN	16
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 59		APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin SUSR	59	apomorphine hydrochloride SOCT	28
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin TABS	59	apraclonidine hcl	57
ambrisentan	33	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
amcinonide CREA	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1	aprepitant CAPS 80 MG	17
amcinonide LOTN	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1	aprepitant CAPS	17
amcinonide OINT	40	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1	APTiom 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG (eslicarbazepine acetate) .	12
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1	APTIVUS CAPS	30
amiloride & hydrochlorothiazide ..	43	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	48
amiloride hcl TABS	43	amphotericin b IV	18	ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	48
aminocaproic acid TABS	49			ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	48
amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML . 8				ARCALYST	3
amiodarone hcl TABS	8			AREXVY	64
amitriptyline hcl TABS	14				
amlodipine besylate TABS	32				
amlodipine besylate-atorvastatin					

arformoterol tartrate	9	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	63	balsalazide disodium CAPS	46
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	9	BALVERSA	26
aripiprazole SOLN PO	30	AUDENZ EMUL	64	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
aripiprazole TABS	30	AUDENZ PRSY	64	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
armodafinil	1	AURANOFIN 3 MG	3	BAXDELA SOLR	45
ARMOUR THYROID TABS	62	AUSTEDO TABS	60	BAXDELA TABS	45
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK	60	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 52	
arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AUSTEDO XR TB24	60	BELSOMRA	49
ARZERRA	24	avanafil	33	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
ascorbic acid SOLN IJ	67	AVERI TABS PO	35	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
asenapine maleate 2.5 MG	29	AVONEX PEN AJKT	61	benazepril hcl	19
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	29	AVONEX PREFILLED PSKT	61	bendamustine hcl SOLR	23
aspirin CHEW	5	AYVAKIT	25	BENEFIX KIT	47
aspirin TABS 325 MG	5	azacitidine SUSR	23	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	
aspirin TBEC 325 MG	5	AZATHIOPRINE SODIUM	55	BENZEPRO FOAM 5.3 %	37
aspirin TBEC 81 MG	5	azathioprine TABS	55	benzonatate 100 MG	36
aspirin-dipyridamole	48	azelaic acid GEL	42	benzonatate 150 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	30	azelastine hcl (ophth)	58	benzonatate 200 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	30	azelastine hcl	57	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37
atenolol & chlorthalidone	20	AZELEX	37	benzoyl peroxide GEL 10 %	37
atenolol TABS	32	azithromycin PACK	50	benzoyl peroxide GEL 5 %	37
ATGAM	55	azithromycin SOLR	50	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .	37
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azithromycin SUSR	50	benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37	
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	azithromycin TABS 250 MG	50	benztropine mesylate SOLN	28
atorvastatin calcium TABS	19	azithromycin TABS 500 MG	50	benztropine mesylate TABS	28
atovaquone	21	azithromycin TABS 600 MG	50		
atovaquone-proguanil hcl	22	aztreonam 1 GM	22		
		bacitracin (ophthalmic)	58		
		baclofen TABS	56		

bepotastine besilate	58	bisacodyl SUPP	50	BRUKINSA	26
betaine	44	bisacodyl TBEC	50	budesonide (inhalation) SUSP	9
betamethasone dipropionate (topical) CREA	40	bisoprolol & hydrochlorothiazide	20	budesonide (intrarectal)	7
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	40	bisoprolol fumarate	32	budesonide (nasal)	57
betamethasone dipropionate (topical) OINT	40	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	budesonide CPEP	36
betamethasone dipropionate augmented CREA	40	BOOSTRIX SUSP	62	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10
betamethasone dipropionate augmented LOTN	40	BOOSTRIX SUSY	62	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	43
betamethasone dipropionate augmented OINT	40	bortezomib SOLR IJ	26	bumetanide TABS	43
betamethasone valerate CREA	40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	26	buprenorphine hcl SOLN	7
betamethasone valerate FOAM	40	bosentan TABS 125 MG	33	buprenorphine hcl SUBL	7
betamethasone valerate LOTN	40	bosentan TABS 62.5 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7
betamethasone valerate OINT	40	bosentan TBSO 32 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7
BETASERON KIT	61	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7
betaxolol hcl (ophth) SOLN	57	BOSULIF TABS 400 MG	26	buprenorphine PTWK	7
betaxolol hcl	32	BRAFTOVI 75 MG	26	bupropion hcl (smoking deterrent)	61
bethanechol chloride 25 MG	64	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10	bupropion hcl TABS	13
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	64	BREO ELLIPTA	10	bupropion hcl TB12	13
bexarotene (topical)	39	BREZTRI AEROSPHERE	10	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG	13
bexarotene	28	BRILINTA 60 MG, 90 MG (ticagrelor) 48		buspirone hcl	8
BEXSERO 0.5 ML	64	brimonidine tartrate (topical)	42	busulfan SOLN	23
BEYFORTUS	59	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	57	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5
bicalutamide	25	brimonidine tartrate-timolol maleate	57	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4
BIJUVA	45	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	12	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4
BIKTARVY	30	BRIVIACT TABS	12	butalbital-acetaminophen-caffeine	
bimatoprost SOLN	59	bromfenac sodium (ophth)	58		
		bromocriptine mesylate CAPS	28		
		bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28		

TABS 40 MG-50 MG-325 MG5	candesartan cilexetil20	caspofungin acetate18
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG6	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide20	CAYA DPRH50
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG6	capecitabine23	CAYSTON22
butalbital-aspirin-caffeine CAPS5	CAPRELSA26	cefaclor CAPS34
butalbital-aspirin-caffeine w/cod6	captopril 12.5 MG19	cefaclor SUSR 250 MG/5ML34
butenafine hcl38	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .19	cefadroxil CAPS34
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML7	CAPVAXIVE64	cefadroxil SUSR34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .7	carbamazepine CHEW 100 MG ...12	cefadroxil TABS34
cabergoline45	carbamazepine CP12 100 MG12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG34
CABOMETYX TABS26	carbamazepine CP12 200 MG12	cefdinir CAPS34
calcipotriene CREA39	carbamazepine CP12 300 MG12	cefdinir SUSR34
calcipotriene OINT39	carbamazepine CP12 300 MG12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM34
calcipotriene SOLN39	carbamazepine SUSP12	cefixime CAPS34
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT40	carbamazepine TABS12	cefixime SUSR34
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP40	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM 34
calcitonin (salmon) NA43	carbamazepine TB12 200 MG12	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...34
calcitriol (topical)39	carbidopa28	cefpodoxime proxetil SUSR34
calcitriol CAPS44	carbidopa-levodopa TABS28	cefpodoxime proxetil TABS34
calcitriol SOLN IV44	carbidopa-levodopa TBCR28	cefprozil SUSR34
calcium acetate (phosphate binder) CAPS46	carbidopa-levodopa TBDP28	cefprozil TABS34
calcium acetate (phosphate binder) TABS46	carbidopa-levodopa-entacapone .28	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM34
calcium chloride (dihydrate) SOLN 53	carbinoxamine maleate SOLN18	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG34
calcium polycarbophil TABS50	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .18	cefuroxime axetil TABS34
CALQUENCE26	carboplatin SOLN 50 MG/5ML23	cefuroxime sodium IJ 750 MG34
	carisoprodol TABS56	celecoxib4
	carmustine23	cephalexin CAPS34
	carteolol hcl (ophth)57	cephalexin SUSR34
	carvedilol32	CERDELGA48
	carvedilol phosphate32	CEREZYME 400 UNIT48

cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox GEL	38	22	
cevimeline hcl	55	ciclopirox olamine CREA	38	clindamycin phosphate (topical) FOAM	37
CHEMET	17	ciclopirox olamine SUSP	38	clindamycin phosphate (topical) GEL 37	
CHEMSTRIP K STRP	42	ciclopirox SHAM	38	clindamycin phosphate (topical) LOTN	37
chloramphenicol sodium succinate 21		ciclopirox SOLN	38	clindamycin phosphate (topical) SOLN	37
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cidofovir	31	clindamycin phosphate (topical) SWAB	37
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	63	cilostazol	48	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22
chlordiazepoxide-amitriptyline	60	CIMDUO	30	clindamycin phosphate vaginal CREA	66
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	55	cimetidine TABS	63	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	37
chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cinacalcet hcl	44	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37
chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	58	clindamycin phosphate-tretinoin ..	37
chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin hcl (otic)	59	CLINIMIX E/DEXTROSE (5/20) ..	57
chlorpromazine hcl TABS	30	ciprofloxacin hcl TABS	45	CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..	57
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML . 45		CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	57
chlorzoxazone TABS 500 MG	57	ciprofloxacin-dexamethasone	59	clobazam SUSP	11
chlorzoxazone TABS 750 MG	57	ciprofloxacin-fluocinolone acetoneide . 59		clobazam TABS	11
CHOLBAM	46	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	23	clobetasol propionate CREA 0.05 % . 40	
cholecalciferol CAPS	67	citalopram hydrobromide SOLN ...	14	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	40
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	67	citalopram hydrobromide TABS ...	14	clobetasol propionate FOAM	40
cholestyramine light PACK	19	clarithromycin SUSR	50	clobetasol propionate GEL 0.05 %	40
cholestyramine light POWD	19	clarithromycin TABS	50	clobetasol propionate OINT 0.05 %	40
cholestyramine PACK	19	clarithromycin TB24	50		
cholestyramine POWD	19	CLASSIC PRENATAL TABS	56		
choline fenofibrate	19	clemastine fumarate SYRP	18		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM 44		clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18			
		CLIMARA PRO	45		
		clindamycin hcl	22		
		clindamycin palmitate hydrochloride .	40		

clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40	colesevelam hcl TABS19	cromolyn sodium (ophth)58
clocortolone pivalate 40	colestipol hcl GRAN19	cromolyn sodium NEBU9
clofarabine23	colestipol hcl PACK 19	crotamiton LOTN 42
clomipramine hcl 14	colestipol hcl TABS 19	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT56
clonazepam TABS11	COMBIVENT RESPIMAT AERS .. 10	
clonidine hcl (adhd) TB12 1	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT 26	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML 48
clonidine hcl TABS20	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT 26	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG 57
clonidine PTWK20	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT 26	cyclophosphamide CAPS23
clopidogrel bisulfate 300 MG 48	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML 64	cyclophosphamide SOLR IJ 23
clopidogrel bisulfate 75 MG48	COMIRNATY SUSP 64	cycloserine 23
clorazepate dipotassium TABS 8	COMIRNATY SUSY 64	cyclosporine (ophth) EMUL58
clotrimazole (topical) CREA38	COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)30	cyclosporine CAPS 55
clotrimazole (topical) SOLN38	CONTRACE 1	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS 55
clotrimazole55	COPIKTRA 26	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN 55
clotrimazole vaginal CREA 1 %66	CORDRAN TAPE40	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 55
clotrimazole w/ betamethasone CREA38	CORTISPORIN-TC59	CYLTEZO (2 PEN) AJKT 2
clotrimazole w/ betamethasone LOTN38	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 39	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML2
clozapine TABS29	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ39	CYLTEZO (2 SYRINGE) PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML3
clozapine TBDP 100 MG 29	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ39	CYLTEZO-CD/UC/HS STARTER AJKT3
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...39	CYLTEZO-PSORIASIS/UV STARTER AJKT3
clozapine TBDP 25 MG29	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .39	cyproheptadine hcl SYRP18
COARTEM 22	COSENTYX UNOREADY SOAJ .. 39	cyproheptadine hcl TABS18
codeine sulfate TABS 30 MG5	CREON CPEP43	CYSTAGON CAPS 47
CODEINE SULFATE TABS5	CRESEMBE CAPS 186 MG18	CYSTARAN 58
colchicine TABS47		
colchicine w/ probenecid47		
colesevelam hcl PACK19		

cytarabine SOLN	23	DEPO-MEDROL SUSP	36	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	36
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	36
dacarbazine SOLR 200 MG	28	desipramine hcl TABS	14	dexamethasone SOLN	36
dactinomycin	25	desloratadine TABS	18	dexamethasone TABS	36
dalfampridine	61	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	
danazol CAPS	7	desmopressin acetate SOLN IJ ...	45	dexlansoprazole	63
dantrolene sodium CAPS	57	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	45	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dapagliflozin propanediol	16	desmopressin acetate spray	45	dexmethylphenidate hcl TABS	1
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	15	desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	45	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	14	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45		dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
dapsone	22	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45		dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	
DAPTACEL	62	desogestrel & ethinyl estradiol	35	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1
daptomycin 500 MG	21	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	35	dextrose in lactated ringers	53
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35	DIACOMIT CAPS	12
darunavir TABS 600 MG	30	desonide CREA	40	DIACOMIT PACK 250 MG	12
darunavir TABS 800 MG	30	desonide LOTN	40	DIACOMIT PACK 500 MG	12
dasatinib	26	desonide OINT	40	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11
DAURISMO	24	desoximetasone CREA 0.25 % ...	40	diazepam CONC	8
DEBACTEROL	55	desoximetasone GEL	40	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	8
decitabine	23	desoximetasone OINT 0.25 %	40	diazepam TABS	8
deferasirox PACK	17	desvenlafaxine succinate	14	diazoxide	15
deferasirox TABS	17	dexamethasone ELIX	36	dichlorphenamide	43
deferasirox TBSO	17	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	36	diclofenac epolamine PTCH EX ...	39
deflazacort SUSP	36	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	58	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4
deflazacort TABS	36				
DELSTRIGO	30				
demeclocycline hcl TABS	62				
DEPO-ESTRADIOL	45				

diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	39	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	32	docusate calcium	50
diclofenac sodium (ophth)	58	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32	docusate sodium CAPS 100 MG ..	50
diclofenac sodium (topical) GEL EX 39		diltiazem hcl CP12	33	docusate sodium CAPS 250 MG ..	50
diclofenac sodium TB24	4	diltiazem hcl CP24	33	dofetilide	8
diclofenac sodium TBEC	4	diltiazem hcl extended release beads	32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	60
diclofenac w/ misoprostol TBEC	4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	33	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	60
dicloxacillin sodium	60	DILTIAZEM HCL SOLR	33	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	60
dicyclomine hcl CAPS	63	diltiazem hcl TABS	33	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 60	
dicyclomine hcl SOLN PO	63	diltiazem hcl TB24	33	DOPTelet	48
dicyclomine hcl TABS	63	dimethyl fumarate CDPK	61	dorzolamide hcl	58
DIFFERIN LOTN	37	dimethyl fumarate CPDR	61	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57
DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 50		DIPENTUM	46	DOVATO	30
diflorasone diacetate CREA	40	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxazosin mesylate	20
diflorasone diacetate OINT	40	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl (antipruritic)	39
diflunisal TABS	5	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl (sleep)	49
difluprednate	58	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	doxepin hcl CAPS	14
digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	33	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	doxepin hcl CONC	14
digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	33	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxercalciferol CAPS	44
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	52	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxercalciferol SOLN	44
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	52	dipyridamole	48	doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	25
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	disopyramide phosphate CAPS	8	doxorubicin hcl SOLN	25
DILANTIN	13	disulfiram	60	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	26
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	62
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	62
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	docetaxel CONC 20 MG/ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	62

doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	62	efavirenz TABS	30	52	
doxycycline hyclate CAPS	62	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMGALITY SOAJ	52
doxycycline hyclate SOLR	62	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMGALITY SOSY	52
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	62	EGRIFTA SV	44	EMSAM	13
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	ELAPRASE	44	emtricitabine CAPS	30
dronabinol CAPS	17	electrolyte-148	53	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	30
drospirenone-ethinyl estradiol	35	electrolyte-a	53	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	30
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	35	ELESTRIN GEL	45	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30
DROXIA CAPS	48	eletriptan hydrobromide	53	EMTRIVA SOLN	30
DUAVEE	45	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25	EMVERM CHEW	7
DULERA	10	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
duloxetine hcl CPEP	14	ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPk	10	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 41		ELIQUIS TABS	10	enalapril maleate TABS	19
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	41	ELLA	35	ENBREL MINI SOCT	4
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 41		ELMIRON CAPS	47	ENBREL SOLN	4
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	41	ELOCTATE	47	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	50	eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	48	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	50	eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	48	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
DUREX TROPICAL MISC	50	EMBECTA AUTOSHIELD DUO	52	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	64
dutasteride	47	EMBECTA PEN NEEDLE NANO	52	ENGERIX-B SUSY	64
econazole nitrate CREA	38	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	52	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11
EDARBI	20	EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	52	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11
EDURANT	30	EMCYT	25	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11
efavirenz CAPS 200 MG	30	EMFLAZA SUSP (deflazacort)	36		
efavirenz CAPS 50 MG	30	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY			

enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	erlotinib hcl	24	ESTROGEL GEL (estradiol)	45
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ERTACZO	38	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	45
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ertapenem sodium IJ	21	eszopiclone	49
ENSPRYNG	55	erythromycin (acne aid) PADS	37	ethacrynic acid	43
entacapone	28	erythromycin (acne aid) SOLN	37	ethambutol hcl TABS	23
entecavir TABS	31	erythromycin (ophth)	58	ethosuximide CAPS	13
EPIDIOLEX	12	erythromycin base CPEP	50	ethosuximide SOLN	13
epinastine hcl (ophth)	58	erythromycin base TABS	50	ethynodiol diacet & eth estrad	35
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	67	erythromycin base TBEC	50	etodolac CAPS	4
eplerenone	21	erythromycin ethylsuccinate SUSR 50		etodolac TABS	4
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	erythromycin ethylsuccinate TABS 50		etonogestrel-ethinyl estradiol	35
epoprostenol sodium	33	escitalopram oxalate SOLN	14	ETOPOPHOS	28
EQL PRENATAL FORMULA TABS 56		escitalopram oxalate TABS	14	etoposide CAPS	28
EQUETRO	29	eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	28
ERAXIS	18	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	63	etravirine 100 MG	30
ERBITUX	24	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	63	etravirine 200 MG	30
ergocalciferol CAPS	67	esomeprazole magnesium TBEC ..	63	EUCRISA	42
ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	67	ESPEROCT 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT 47		EVAMIST SOLN	45
ergoloid mesylates TABS	61	estazolam	49	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	55
ERGOMAR SUBL	53	estradiol GEL	45	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	55
ergotamine w/ caffeine TABS	52	estradiol PTTW	45	everolimus TABS	26
eribulin mesylate	28	estradiol PTWK	45	EVEXITHROID TABS 180 MG	62
ERIVEDGE	24	estradiol TABS	45	EVOTAZ	30
ERLEADA 240 MG	25	estradiol vaginal CREA	66	exemestane	25
ERLEADA 60 MG	25	estradiol vaginal TABS	66	ezetimibe	19
		estradiol valerate	45	ezetimibe-simvastatin	19
				famciclovir 125 MG, 250 MG	32

famciclovir 500 MG 32	fentanyl citrate LPOP 5	FLUCELVAX SUSY 65
famotidine in nacl SOLN 63	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR 5	fluconazole SUSR 18
famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML 63	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML 49	fluconazole TABS 18
famotidine SUSR 63	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG 49	flucytosine 18
famotidine TABS 20 MG, 40 MG .. 63	ferrous sulfate TBEC 325 MG 49	fludarabine phosphate SOLN 24
FANAPT 29	fesoterodine fumarate 63	fludarabine phosphate SOLR 24
FANAPT TITRATION PACK A 29	FETZIMA CP24 14	fludrocortisone acetate TABS 36
FANTASY LUBRICATED MISC ... 50	FETZIMA TITRATION C4PK 14	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY . 65
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	fidaxomicin TABS 200 MG 50	FLULAVAL SUSY 65
FARXIGA (dapagliflozin propanediol) 16	finasteride 47	FLUMIST 65
FASENRA PEN SOAJ 8	fingolimod hcl 61	FLUMIST QUADRIVALENT 65
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML 8	FIRDAPSE 23	flunisolide (nasal) 57
FASENRA SOSY 30 MG/ML 8	FIRMAGON (240 MG DOSE) 25	fluocinolone acetonide (otic) 59
FC2 FEMALE CONDOM 51	FIRMAGON 80 MG 25	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40
febuxostat 47	flavoxate hcl 64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 % 40
felbamate SUSP 13	flecainide acetate 8	fluocinolone acetonide OIL 41
felbamate TABS 400 MG 13	floxuridine 23	fluocinolone acetonide OINT 41
felbamate TABS 600 MG 13	FLUAD 64	fluocinolone acetonide SOLN 41
felodipine 33	FLUAD QUADRIVALENT 64	fluocinonide CREA 41
FEMCAP DEVI 51	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY 64	fluocinonide emulsified base 41
FEMLYV TBDP 35	FLUARIX SUSY 65	fluocinonide GEL 41
FEMRING 66	FLUBLOK QUADRIVALENT 65	fluocinonide OINT 41
fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ... 19	FLUBLOK SOSY 65	fluocinonide SOLN 41
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG 19	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP 65	fluorometholone (ophth) SUSP 58
fenoprofen calcium TABS 4	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY 65	fluorouracil (topical) CREA 5 % 39
FENSOLVI (6 MONTH) SC 44	FLUCELVAX SUSP 65	fluorouracil (topical) SOLN 39
		fluorouracil 500 MG/10ML 24
		fluoxetine hcl CAPS 14

fluoxetine hcl CPDR14	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR 52
fluoxetine hcl SOLN14	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY65	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR 52
fluoxetine hcl TABS14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 65	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..52
fluphenazine hcl CONC30	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 65	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..52
fluphenazine hcl ELIX30	FLUZONE SUSP65	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR 52
fluphenazine hcl SOLN 30	FLUZONE SUSY65	FREESTYLE LIBRE 3 READER ..52
fluphenazine hcl TABS30	FML FORTE SUSP58	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..52
flurandrenolide CREA41	folic acid TABS48	FREESTYLE LIBRE READER52
flurandrenolide LOTN41	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11	frovatriptan succinate 53
flurazepam hcl49	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	FT PRENATAL TABS56
flurbiprofen sodium58	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11	fulvestrant SOSY25
flurbiprofen TABS 4	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11	furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML 43
fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT 9	FORA GTBL BLOOD KETONE TEST42	furosemide TABS43
fluticasone furoate-vilanterol 10	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON42	FUZEON SOLR30
fluticasone propionate (inhalation) AEPB9	formoterol fumarate NEBU10	FYCOMPA TABS 2 MG (perampanel)11
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 57	FOSAMAX PLUS D43	FYCOMPA TABS 4 MG (perampanel)11
fluticasone propionate CREA 0.05 % 41	fosamprenavir calcium TABS30	FYCOMPA TABS 6 MG (perampanel)11
fluticasone propionate hfa9	fosfomycin tromethamine 22	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG (perampanel) 11
fluticasone propionate LOTN41	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide 20	gabapentin CAPS12
fluticasone propionate OINT41	fosinopril sodium 19	gabapentin SOLN12
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT10	fosphenytoin sodium 13	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12
fluticasone-salmeterol AERO 10	FRAGMIN SOSY11	galantamine hydrobromide CP24 ..60
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER52	galantamine hydrobromide SOLN .60
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19		galantamine hydrobromide TABS .60
fluvoxamine maleate TABS14		

GAMMAGARD 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 59	61	granisetron hcl TABS 17
GAMMAGARD 30 GM/300ML 59	GLEOSTINE 10 MG 23	GRASTEK SUBL 2
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR 59	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG 23	griseofulvin microsize SUSP 18
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 59	glimepiride 1 MG, 2 MG 16	griseofulvin microsize TABS 18
GAMUNEX-C 59	glimepiride 4 MG 16	griseofulvin ultramicrosize 18
ganciclovir sodium SOLR 31	glipizide TABS 5 MG, 10 MG 16	guanfacine hcl (adhd) 1
ganirelix acetate 44	glipizide TB24 16	guanfacine hcl 20
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML 65	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG 15	GYNAZOLE-1 66
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML 65	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG 15	HAEGARDA SOLR SC 48
gatifloxacin (ophth) 58	GLUCAGEN DIAGNOSTIC 42	HALAVEN (eribulin mesylate) 28
gefitinib 24	glucagon SOLR IJ 1 MG 15	halcinonide CREA 41
gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG 24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 16	halobetasol propionate CREA 41
gemfibrozil TABS 19	glyburide TABS 16	halobetasol propionate OINT 41
GENOTROPIN CART SC 44	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 15	HALOG OINT 41
GENOTROPIN MINIQUEICK PRSY 44	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG 15	haloperidol decanoate 29
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % 2	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % .. 47	haloperidol lactate CONC 29
gentamicin sulfate (ophth) SOLN .. 58	glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML 63	haloperidol lactate SOLN 29
gentamicin sulfate (topical) CREA .38	glycopyrrolate TABS 1 MG 63	haloperidol TABS 29
gentamicin sulfate (topical) OINT .. 38	glycopyrrolate TABS 2 MG 63	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML 65
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML 2	GLYXAMBI 15	HEMANGEOL SOLN PO 32
GENVOYA 30	GNP PRENATAL TABS 56	HEMATINIC/FOLIC ACID 49
GILOTRIF 24	GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS 56	HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 61	GOHIBIC 48	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML 11
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	GOJJI BLOOD KETONE TEST ... 42	HEPLISAV-B SOSY 65
	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HIBERIX SOLR IJ 64
		HUMATROPE CART IJ 44
		HUMIRA (2 PEN) AJKT 80

MG/0.8ML	3	hydrocodone-acetaminophen TABS	5
HUMIRA (2 PEN) AJKT	3	300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS	
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	3	hydrocodone-acetaminophen TABS	
		325 MG-2.5 MG	6
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	6
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7
		hydrocortisone (rectal) EX	7
HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	41
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41	
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	41
HYCANTIN CAPS	28	hydrocortisone acetate (rectal)	7
hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone butyrate CREA	41
hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone butyrate OINT	41
hydrochlorothiazide CAPS	43	hydrocortisone butyrate SOLN	41
hydrochlorothiazide TABS	43	hydrocortisone sod succinate 100 MG	36
hydrocodone bitartrate CP12	5	hydrocortisone TABS	36
hydrocodone bitartrate T24A	5	hydrocortisone vaginal	66
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .	36	hydrocortisone valerate CREA	41
hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6	hydrocortisone valerate OINT	41
hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydrocortisone w/acetic acid	59
		hydromorphone hcl LIQD	5
		hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	
		hydromorphone hcl TABS	5
		hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
		hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5
		hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22	
		hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	
		hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22	
		hydroxyurea	28
		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..	8
		hydroxyzine hcl SYRP	8
		hydroxyzine hcl TABS	8
		hydroxyzine pamoate CAPS	8
		HYPERSAL NEBU	36
		HYQVIA	59
		ibandronate sodium SOLN	43
		ibandronate sodium TABS	43
		IBRANCE CAPS	26
		IBRANCE TABS	26
		ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML	4
		ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG	4
		icatibant acetate SOSY	48
		ICLUSIG	26
		icosapent ethyl 1 GM	19
		idarubicin hcl 20 MG/20ML	26
		idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	26

IDELVION	48	16	irrigation solutions, physiological ..	55	
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	ISENTRESS CHEW	30	
ifosfamide SOLR	23	16	ISENTRESS HD TABS	30	
imatinib mesylate TABS	26	INSULIN ASPART PROT & ASPART	ISENTRESS TABS	30	
IMBRUVICA CAPS 140 MG	26	SUSP	16	ISOLYTE-P IN D5W	53
IMBRUVICA CAPS 70 MG	26	INSULIN ASPART SOLN IJ	16	ISOLYTE-S	53
IMBRUVICA SUSP	26	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH	isoniazid SOLN	23	
IMBRUVICA TABS	26	SOPN	23	isoniazid SYRP	23
imipenem-cilastatin IV	21	INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isoniazid TABS	23
imipramine hcl TABS	14	INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	
imipramine pamoate	14	16	MG, 20 MG, 30 MG	8	
imiquimod 5 %	42	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	
IMITREX STATDOSE SYSTEM		INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL)	33	isosorbide mononitrate TABS	8
SOAJ 4 MG/0.5ML	53	SOPN	16	isosorbide mononitrate TB24	8
IMPAVIDO	21	INSULIN LISPRO JUNIOR		isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	
INCRELEX	44	KWIKPEN SOPN	16	40 MG	37
INCRUSE ELLIPTA	9	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO		isradipine CAPS	33
indapamide TABS 1.25 MG	43	SUPN	16	itraconazole CAPS	18
indapamide TABS 2.5 MG	43	INSULIN LISPRO SOLN IJ	16	itraconazole SOLN	18
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4	INTELENCE 25 MG	30	ivabradine hcl TABS	34
indomethacin CPCR	4	IONOSOL-MB IN D5W	53	ivermectin (pediculicide)	42
INFANRIX	62	IOPIDINE	57	ivermectin	7
INFLECTRA SOLR	46	IPOL IJ	65	IXEMPRA KIT 15 MG	28
INGREZZA CAPS	60	ipratropium bromide (nasal) 0.03 %		JAKAFI	26
INGREZZA CPPK	60	57	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %		
INGREZZA CPSP	60	57	ipratropium bromide SOLN 0.02 %		
INLYTA	24		9	JANUMET TABS	15
INREBIC	26	ipratropium-albuterol SOLN	10	JANUMET XR TB24 1000 MG-100	
INSULIN ASP PROT & ASP		irbesartan	20	MG	15
FLEXPEN SUPN	16	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	JANUMET XR TB24 1000 MG-50	
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN		irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100		MG, 500 MG-50 MG	15
		MG/5ML	28	JANUVIA	15
				JARDIANCE	16

JEVTANA	28	KIMONO MISC	51	labetalol hcl TABS 300 MG	32
JIVI 500 UNIT, 1000 UNIT, 2000 UNIT, 3000 UNIT	48	KIMONO PLUS MISC	51	lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12	
JULUCA	30	KIMONO PS MISC	51	lacosamide TABS	12
JYNARQUE TBPK 15 MG (tolvaptan)	45	KIMONO PS PLUS MISC	51	lactated ringer's (irrigation)	55
JYNNEOS	65	KIMONO SENSATION MISC	51	lactated ringer's	54
KALETRA SOLN	30	KIMONO SENSATION PLUS MISC 51		lactic acid (ammonium lactate) CREA	41
KALYDECO TABS	61	KIMONO SPECIAL DEVI	51	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	41
KAMELEON LUBRICATED MISC .51		KINRIX SUSY	62	lactulose (encephalopathy)	46
KANJINTI	24	KISQALI (200 MG DOSE)	26	lactulose SOLN	50
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	54	KISQALI (400 MG DOSE)	26	LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (lamotrigine)	12
KCL-LACTATED RINGERS-D5W 54		KISQALI (600 MG DOSE)	26	lamivudine (hbv) TABS	31
ketoconazole (topical) CREA	38	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) . 26		lamivudine SOLN	31
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .38		KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) . 26		lamivudine TABS 150 MG	31
ketoconazole	18	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) . 26		lamivudine TABS 300 MG	31
KETONE TEST STRP	42	KLOXXADO LIQD	17	lamivudine-zidovudine	31
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KOGENATE FS KIT	48	lamotrigine CHEW 25 MG	12
ketorolac tromethamine (ophth) ..58		KOSELUGO	26	lamotrigine CHEW 5 MG	12
ketorolac tromethamine TABS	4	KOVALTRY	48	lamotrigine TABS	12
KETOSTIX STRP	42	KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	56	lamotrigine TBDP	12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 58		KRINTAFEL	22	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33
KEVZARA SOAJ	3	K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	51	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	33
KEVZARA SOSY	3	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...51		lansoprazole CPDR 15 MG	63
KIMONO COLORS DEVI	51	KYPROLIS	26	lansoprazole CPDR 30 MG	63
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	51	labetalol hcl SOLN	32	lanthanum carbonate CHEW	47
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC . 51		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 32		lapatinib ditosylate	26
				LASTACFT	58
				latanoprost SOLN	59

leflunomide	4	levocetirizine dihydrochloride SOLN 18	lincomycin hcl	22	
LEMTRADA	61	levocetirizine dihydrochloride TABS 18	linezolid SUSR	22	
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	54	levofloxacin (ophth) 0.5 %	58	linezolid TABS	22
lenalidomide 20 MG	54	levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 46	LINZESS	46	
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) ..	24	levofloxacin SOLN PO	46	liothyronine sodium SOLN	62
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) ..	24	levofloxacin TABS	46	liothyronine sodium TABS	62
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel & eth estradiol TABS 35	liraglutide	15	
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	1
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	35	lisdexamfetamine dimesylate CHEW .	1
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	35	lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35	lithium	29	
letrozole	25	levorphanol tartrate TABS 2 MG ...	5	lithium carbonate CAPS	29
leucovorin calcium SOLR	28	levothyroxine sodium TABS	62	lithium carbonate TABS	29
leucovorin calcium TABS	28	LEXIVA SUSP	31	lithium carbonate TBCR	29
LEUKERAN	23	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	50	LO LOESTRIN FE TABS	35
LEUKINE SOLR IJ	48	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	55	lofexidine hcl	60
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	55	LOKELMA	55
levalbuterol hcl	10	lidocaine hcl GEL 2 %	42	loperamide hcl CAPS	17
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	lidocaine hcl PRSY	42	lopinavir-ritonavir SOLN	31
levalbuterol tartrate	10	lidocaine hcl SOLN	42	lopinavir-ritonavir TABS	31
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		lidocaine PTCH 5 %	42	LOQTORZI	24
levetiracetam TABS 1000 MG	12	lidocaine-prilocaine CREA	42	loratadine CAPS	18
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12			loratadine CHEW	18
levetiracetam TABS 500 MG	12			loratadine SOLN	18
levetiracetam TB24	12			loratadine TABS	18
levobunolol hcl 0.5 %	57			loratadine TBDP	18
				lorazepam CONC	8
				lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8

lorazepam TABS 1 MG	8	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29	MEKINIST TABS 2 MG	27
LORBRENA	26	lurasidone hcl 80 MG	29	MEKTOVI	27
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20	LYNPARZA TABS	27	meloxicam TABS	4
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 20		LYSODREN	25	melphalan	23
losartan potassium	20	mafenide acetate PACK	40	melphalan hcl IV	23
LOTEMAX OINT	58	magnesium sulfate IJ 50 %	54	memantine hcl TABS	60
loteprednol etabonate GEL	58	malathion	42	MENACTRA	64
loteprednol etabonate SUSP	58	maraviroc TABS 150 MG	31	MENEST 2.5 MG	45
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19	maraviroc TABS 300 MG	31	MENOSTAR PTWK	45
lovastatin TABS 40 MG	19	MARPLAN	13	MENQUADFI 0.5 ML	64
loxapine succinate	29	MASONATAL TABS	56	MENVEO SOLR	64
lubiprostone	46	MATULANE	28	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5
LUCEMYRA (lofexidine hcl)	60	MAXIDEX SUSP OP	58	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML	5
luliconazole	38	MAXX MISC	51	meperidine hcl TABS 50 MG	5
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	26	MAXX PLUS MISC	51	meprobamate	8
LUMAKRAS 320 MG	26	meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17		mercaptopurine TABS	24
LUMIZYME	44	meclofenamate sodium CAPS	4	meropenem	21
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25	MEDROL TABS	36	mesalamine CP24	46
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	35	mesalamine CPDR	46
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	35	mesalamine ENEM	46
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM .	25	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG	60	mesalamine SUPP	46
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44		mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 1.2 GM	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	44	mefloquine hcl	23	mesalamine TBEC 800 MG	46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	44	megestrol acetate (appetite)	60	metaxalone 800 MG	57
		megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 1000 MG	15
		megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 500 MG	15
		MEKINIST TABS 0.5 MG	27	metformin hcl TABS 850 MG	15
				metformin hcl TB24 500 MG	15
				metformin hcl TB24 750 MG	15

methadone hcl CONC5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG2	MG, 100 MG 32
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5		metronidazole (topical) CREA 42
methadone hcl TABS 10 MG5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42
methadone hcl TABS 5 MG5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 42
methadone hcl TBSO 5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 42
methamphetamine hcl1	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG 2	metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 21
methazolamide TABS43	methylphenidate PTCH 2	metronidazole vaginal66
methenamine hippurate22	methylprednisolone acetate SUSP 36	mexiletine hcl 8
methimazole TABS 62	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 36	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 66
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 57	methylprednisolone TABS 36	midodrine hcl67
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 24	methylprednisolone TBPK36	miglitol14
methotrexate sodium SOLR 24	methyltestosterone TABS7	miglustat48
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 46	minocycline hcl CAPS 62
methoxsalen rapid39	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML46	minocycline hcl TABS62
methscopolamine bromide63	metoclopramide hcl TABS46	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21
methsuximide13	metolazone43	MIRCERA 48
methyldopa TABS20	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 20	mirtazapine TABS13
methylphenidate hcl CHEW 10 MG .1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG20	mirtazapine TBDP13
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1	metoprolol succinate TB24 200 MG 32	misoprostol63
methylphenidate hcl CHEW 5 MG .. 1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG32	mitomycin SOLR IV 20 MG26
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG 1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML32	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML .. 26
methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 1		M-M-R II SOLR 65
methylphenidate hcl CP242		M-NATAL PLUS TABS56
methylphenidate hcl CPR 2		MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 65
methylphenidate hcl SOLN2		modafinil 100 MG 2
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG 2		modafinil 200 MG 2
methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2		

MODERNA COVID-19 BIVALENT 65	MRESVIA66	nateglinide16
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP65	MULPLETA49	NAYZILAM 12
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY65	MULTI PRENATAL TABS 56	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP65	mupirocin calcium (topical)38	nebivolol hcl 20 MG32
moexipril hcl19	mupirocin OINT38	NEBUSAL NEBU 36
mometasone furoate (nasal) SUSP 57	MVASI24	nefazodone hcl14
mometasone furoate CREA41	MYALEPT44	nelarabine24
mometasone furoate OINT41	mycophenolate mofetil CAPS55	neomycin sulfate TABS 2
mometasone furoate SOLN41	mycophenolate mofetil TABS55	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 58
montelukast sodium CHEW9	mycophenolate sodium55	neomycin-polymy-dexameth OINT 58
montelukast sodium PACK9	MYLERAN TABS23	neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %58
montelukast sodium TABS9	nabumetone4	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...58
morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG5	nadolol TABS 20 MG32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 59
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML6	nadolol TABS 40 MG32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 59
morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML5	nadolol TABS 80 MG32	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG56
morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML5	nafticillin sodium IV 10 GM60	NEONATAL PLUS TABS56
morphine sulfate TABS6	naftifine hcl CREA 1 %38	NEONATAL PRENATAL TABS ...56
morphine sulfate TBCR6	naftifine hcl CREA 2 %38	NEONATAL VITAMIN TABS56
MOTOFEN17	nalbuphine hcl7	neostigmine methylsulfate SOSY .23
MOVANTIK46	naloxone hcl LIQD17	NEO-SYNALAR38
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 58	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17	NEUPRO29
moxifloxacin hcl in sodium chloride 46	naltrexone hcl17	NEVANAC58
moxifloxacin hcl TABS46	naproxen sodium TABS 550 MG ...4	nevirapine SUSP31
	naproxen SUSP4	nevirapine TABS31
	naproxen TABS4	
	naproxen TBEC 500 MG4	
	naratriptan hcl53	
	NATACYN58	
	NATAZIA35	

nevirapine TB24 400 MG31	nitazoxanide TABS21	estradiol 45
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG63	nitisinone CAPS44	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe35
NEXTSTELLIS 35	NITRO-BID OINT8	norethindrone-eth estradiol (triphasic)35
niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..19	nitrofurantoin 22	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)35
niacin CPCR 250 MG, 500 MG67	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG22	norgestimate-ethinyl estradiol35
NIACIN ER TBCR67	nitrofurantoin monohyd macro22	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG35
niacin TABS67	nitroglycerin (intra-anal) 7	NORMOSOL-M IN D5W 54
niacin TBCR67	nitroglycerin CPCR8	NORMOSOL-R PH 7.454
niacinamide TABS67	nitroglycerin PT248	nortriptyline hcl CAPS14
nicardipine hcl CAPS 33	NITROGLYCERIN SOLN IV 8	nortriptyline hcl SOLN14
nicardipine hcl SOLN 33	nitroglycerin SUBL8	NORVIR CAPS 31
NICOTINE KIT 61	NIVA-PLUS TABS 56	NORVIR PACK 31
nicotine polacrilex GUM61	nizatidine CAPS63	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 42
nicotine polacrilex LOZG61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML44	NOVAREL IM 10000 UNIT 44
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR61	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML44	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP66
NICOTROL INHA61	norelgestromin-ethinyl estradiol ...35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY66
NICOTROL NS SOLN61	norethin acet & estrad-fe CAPS ...35	NOVOEIGHT48
nifedipine CAPS 10 MG33	norethin acet & estrad-fe CHEW ...35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 16
nifedipine CAPS 20 MG33	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG35	NOVOLIN 70/30 SUSP 16
nifedipine TB24 60 MG 33	norethindrone & eth estradiol 35	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN16
nifedipine TB24 90 MG 33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35	NOVOLIN N SUSP16
nifedipine TB24 33	norethindrone (contraceptive)35	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..16
nilotinib hcl 150 MG, 200 MG27	norethindrone acet & eth estra TABS 35	NOVOLIN R SOLN IJ16
nilotinib hcl 50 MG27	norethindrone acetate TABS60	NP THYROID TABS62
nilutamide 25	norethindrone acetate-ethinyl	NUCALA SOAJ9

NUCALA SOLR	9	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	ORENITRAM TBCR	33
NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21	ORGOVYX	25
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	olopatadine hcl (nasal)	57	ORILISSA	44
NUEDEXTA	61	olopatadine hcl 0.1 %	58	ORKAMBI PACK	61
NULOJIX	55	olopatadine hcl 0.2 %	58	ORKAMBI TABS	61
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	66	omega-3-acid ethyl esters	19	ORLADEYO	48
nystatin (mouth-throat)	55	omeprazole CPDR	63	orphenadrine citrate TB12	57
nystatin (topical) CREA	38	omeprazole magnesium CPDR ...	63	oseltamivir phosphate CAPS	32
nystatin (topical) OINT	38	omeprazole TBEC	63	oseltamivir phosphate SUSR	32
nystatin (topical) POWD EX	38	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63	OSPHENA	44
nystatin TABS	18	OMNIFLEX DIAPHRAGM	51	OTEZLA TABS	4
nystatin-triamcinolone CREA	38	ONCASPAR	27	OTEZLA TBPK	4
nystatin-triamcinolone OINT	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4
NYVEPRIA	49	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4
octreotide acetate SOLN	45	ondansetron hcl SOSY	17	oxacillin sodium IV 10 GM	60
ODEFSEY	31	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxaprozin TABS	4
OFEV	62	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxazepam CAPS	8
ofloxacin (ophth)	58	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin (otic)	59	ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
ofloxacin 300 MG, 400 MG	46	ONE VITE WOMENS PLUS TABS 56		oxcarbazepine TABS 600 MG	12
OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS TABS	56	oxiconazole nitrate CREA	38
olanzapine SOLR	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	52	OXISTAT LOTN	38
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	OPILL	36	oxybutynin chloride SOLN	63
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	OPSUMIT	33	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	63
olanzapine TBDP 20 MG	29			oxybutynin chloride TB24	64
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29			oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olmesartan medoxomil	20				

oxycodone hcl TABS	6	pazopanib hcl	27	perampanel TABS 4 MG	11
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	PEDIARIX SUSY	62	perampanel TABS 6 MG	11
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7	pediatric multivitamins w/fl CHEW .	55	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11
oxymorphone hcl TABS	6	PEDVAX HIB SUSP	64	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .	20
oxymorphone hcl TB12 40 MG	6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	50	perindopril erbumine 4 MG	20
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6		peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 50		PERJETA	24
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	15	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	50	permethrin CREA	42
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	15	PEGASYS SOLN	31	permethrin LIQD EX	42
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...	16	PEGASYS SOSY	31	perphenazine TABS	30
paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28	PEMAZYRE	27	perphenazine-amitriptyline	60
paclitaxel protein-bound particles .	28	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		PERSERIS PRSY	29
paliperidone	29	PENBRAYA	64	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 66	
palonosetron hcl SOLN	17	penciclovir	39	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	66
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	44	penicillamine CAPS	54	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	66
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44		penicillamine TABS	54	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP	66
PANRETIN	39	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .	59	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	66
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 63		penicillin g potassium 5000000 UNIT 59		PHEBURANE PLLT	45
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 63		penicillin g sodium	59	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG	47
paricalcitol CAPS	44	penicillin v potassium SOLR	59	phendimetrazine tartrate TABS	1
paricalcitol SOLN	45	penicillin v potassium TABS	59	phenelzine sulfate	13
paroxetine hcl SUSP	14	PENMENVY SUSR IM	64	phenobarbital ELIX	49
paroxetine hcl TABS	14	PENTACEL	62	phenobarbital TABS	49
paroxetine hcl TB24	14	pentazocine w/ naloxone hcl	7	phenoxybenzamine hcl	20
		pentoxifylline	48	phentermine hcl CAPS	1
		perampanel TABS 2 MG	11	phenytoin CHEW	13

phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	54	microencapsulated crystals er	54
phenytoin sodium SOLN	13	PLEGRIDY SOAJ	61	potassium chloride PACK PO 20 MEQ	54
phenytoin SUSP	13	PLEGRIDY SOSY SC	61	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 54	
PHEXX	66	PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 61		potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	54
PHEXXI	66	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	61	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	54
PHOTOFRIN	28	plerixafor	49	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 47	
PHYRAGO 20 MG, 50 MG, 70 MG, 80 MG, 100 MG, 140 MG	27	PNEUMOVAX 23 SOLN	64	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	54
PIFELTRO	31	PNEUMOVAX 23 SOSY	64	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	37
pilocarpine hcl (oral)	55	podofilox SOLN	42	pralatrexate 20 MG/ML	24
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 57		polymyxin b sulfate SOLR	22	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	29
pimecrolimus	42	polymyxin b-trimethoprim	58	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	29
pimozide	61	POMALYST	25	prasugrel hcl	48
pindolol TABS	32	posaconazole SUSP	18	pravastatin sodium	19
pioglitazone hcl	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 54		praziquantel	7
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium bicarbonate TBEF	54	prazosin hcl CAPS	20
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		potassium chloride CPCR	54	PRECISION XTRA KETONE	42
piperacillin sodium-tazobactam sodium	60	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	54	PRED MILD	58
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .27		potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	54	prednisolone acetate (ophth)	58
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .27		POTASSIUM CHLORIDE IN NAACL 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	54	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	58
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .27		potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	54	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	36
pirfenidone CAPS	62	potassium chloride			
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 62					
pirfenidone TABS 534 MG	62				
piroxicam CAPS	4				
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	54				

prednisolone sodium phosphate TBDP	36	MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	56	PROLEUKIN	28
prednisolone SOLN	36			PROLIA SOSY	44
prednisolone TABS	36	PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG- 25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	56	PROMACTA PACK 12.5 MG, 25 MG (eltrombopag olamine)	49
prednisone SOLN	36			PROMACTA TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG (eltrombopag olamine)	49
prednisone TABS	36	PRENATRIX TABS	56	promethazine hcl SOLN PO 6.25 MG/5ML, 12.5 MG/10ML	18
prednisone TBPk	36	PRENATRYL TABS	56	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	61	PREVNAR 13	64	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	61	PREVNAR 20	64	promethazine hcl TABS	18
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREZCOBIX	31	propafenone hcl CP12	8
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZISTA SUSP	31	propafenone hcl TABS	8
pregabalin SOLN	13	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	31	proparacaine hcl	58
PREHEVBRIO	66	PRIFTIN	23	propranolol hcl CP24	32
PREMARIN	66	primaquine phosphate TABS	23	propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32
PREMARIN SOLR	45	primidone 50 MG, 250 MG	13	propranolol hcl TABS	32
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (estrogens, conjugated)	45	PRIORIX SUSR	66	propylthiouracil	62
PREMPHASE	45	probenecid	47	PROQUAD SUSR	66
PREMPRO	45	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		protriptyline hcl	14
PRENATAL ONE DAILY TABS ...	56	prochlorperazine	30	prucalopride succinate	46
PRENATAL PLUS TABS	56	prochlorperazine maleate TABS ...	30	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	56	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	PULMOZYME	61
PRENATAL TABS	56	PROCRIT 40000 UNIT/ML	49	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABs	56
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	56	progesterone CAPS	60	pyrazinamide	23
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200		PROGRAF PACK	55	pyridostigmine bromide SOLN PO	23
		PROGRAF SOLN	55	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23
		PROLASTIN-C SOLN	61	pyridostigmine bromide TBCR	23
		PROLASTIN-C SOLR	61		

pyrimethamine	23	REBIF REBIDOSE SOAJ	61	rifampin SOLR	23
QC PRENATAL TABS	56	REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	61	riluzole TABS	57
QINLOCK	27	REBIF SOSY	61	rimantadine hydrochloride TABS ..	32
QUADRACEL SUSP	62	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	61	ringer's	54
QUADRACEL SUSY	62	RECOMBIVAX HB SUSP	66	ringer's irrigation	55
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG	29	RECOMBIVAX HB SUSY	66	RINVOQ LQ SOLN	2
quetiapine fumarate TB24	29	RELENZA DISKHALER	32	RINVOQ TB24	2
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20	RELION KETONE TEST STRP ...	42	risedronate sodium TABS 150 MG	44
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20	RELION LANCET DEVICES 30G	52	risedronate sodium TABS 35 MG	44
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21	RELION LANCETS	52	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	44
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21	RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	42	risedronate sodium TBEC	44
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	21	RENFLEXIS	46	risperidone microspheres	29
quinidine sulfate TABS	8	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risperidone SOLN	29
quinine sulfate CAPS 324 MG	23	repaglinide 2 MG	16	risperidone TABS	29
QVAR REDIHALER	9	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19	risperidone TBDP	29
rabeprazole sodium TBEC	63	REPATHA SOSY	19	ritonavir TABS	31
raloxifene hcl	44	REPATHA SURECLICK SOAJ	19	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	10
ramelteon	49	RETACRIT	49	rivaroxaban TABS 2.5 MG	10
ramipril CAPS	20	RETEVMO CAPS	27	rivastigmine tartrate CAPS	60
ranolazine TB12 1000 MG	8	RETROVIR SOLN	31	rizatriptan benzoate TABS 10 MG	53
ranolazine TB12 500 MG	8	REXULTI	30	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	53
rasagiline mesylate	29	REZVOGLAR KWIKPEN	16	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	53
REALITY LATEX CONDOMS MISC .	51	ribavirin (hepatitis c) CAPS	31	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	53
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	51	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31		roflumilast	9
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	51	RIDAURA	3	romidepsin SOLR	27
		rifabutin	23	ropinirole hydrochloride TABS	29
		rifampin CAPS	23	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	29
				ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	29

rosuvastatin calcium TABS	19	SELZENTRY SOLN	31	SLYND	36
ROTARIX SUSP	66	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG		SM PRENATAL VITAMINS TABS	.56
ROTATEQ SOLN	66	31		SODIUM ACETATE SOLN (sodium	
ROZLYTREK CAPS	27	SEMGLEE (YFGN) SOLN	16	acetate)	53
RUBRACA	27	SEMGLEE (YFGN) SOPN	16	sodium acetate SOLN	53
rufinamide SUSP	13	SEREVENT DISKUS	10	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	47
rufinamide TABS 200 MG	13	sertraline hcl CONC	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	
rufinamide TABS 400 MG	13	sertraline hcl TABS	14		36
RUXIENCE	24	sevelamer carbonate PACK	47	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9	
RYBELSUS TABS	16	sevelamer carbonate TABS	47	%, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	54
sacubitril-valsartan TABS	33	SHINGRIX	66	sodium citrate & citric acid	47
salsalate	5	SIGNIFOR	45	sodium fluoride CHEW	54
SANTYL OINT	41	sildenafil citrate (pulmonary		sodium phenylbutyrate POWD	45
sapropterin dihydrochloride PACK	.45	hypertension) SOLN	34	sodium phenylbutyrate TABS	45
sapropterin dihydrochloride TABS	.45	sildenafil citrate (pulmonary		sodium polystyrene sulfonate POWD	
SAVELLA TABS	60	hypertension) SUSR	34	55	
SAVELLA TITRATION PACK MISC		sildenafil citrate (pulmonary		sodium polystyrene sulfonate SUSP	
60		hypertension) TABS	34	CO 15 GM/60ML	55
saxagliptin hcl	15	sildenafil citrate	33	sodium sulfate-potassium sulfate-	
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-		silodosin	47	magnesium sulfate	50
2.5 MG	15	silver sulfadiazine	40	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5		SIMPONI ARIA SOLN	3		31
MG, 500 MG-5 MG	15	SIMULECT	55	solifenacin succinate TABS	64
SCEMBLIX 100 MG	27	simvastatin TABS	19	SOLQUA	15
SCEMBLIX 20 MG, 40 MG	27	sirolimus TABS	55	SOLOSEC	2
scopolamine	17	SIRTURO	23	SOLU-CORTEF (hydrocortisone sod	
SELECT INSULIN SYRINGES	52	SIVEXTRO TABS	22	succinate)	36
SELECT LANCETS	52	SKYRIZI PEN SOAJ	39	SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG,	
selegiline hcl CAPS	29	SKYRIZI SOCT	46	1000 MG	36
selegiline hcl TABS	29	SKYRIZI SOLN	46	SOLU-CORTEF 250 MG	36
selenium sulfide LOTN 2.5 %	39	SKYRIZI SOSY	39	SOLU-MEDROL 2 GM	36
				sorafenib tosylate	27
				SORBITOL 3 %	47

SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	47	SUBSYS LIQD 800 MCG	6	MG	27
sotalol hcl (afib/af)	32	sucalfate SUSP	63	sunitinib malate 37.5 MG	27
sotalol hcl TABS 240 MG	32	sucalfate TABS	63	SUNOSI 150 MG	1
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32	sulconazole nitrate CREA	38	SUNOSI 75 MG	1
SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	66	sulconazole nitrate SOLN	38	SYNAREL	44
SPIKEVAX SUSP	66	sulfacetamide sodium (acne)	37	SYNJARDY TABS	15
SPIKEVAX SUSY	66	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 58		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
spinosad	42	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	37	SYNRIBO	28
spironolactone & hydrochlorothiazide	43	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	37	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	62
spironolactone TABS	43	sulfadiazine TABS	62	TABLOID	24
SPRAVATO (56 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21	TABRECTA	27
SPRAVATO (84 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21	tacrolimus (topical) OINT	42
SPRYCEL (dasatinib)	27	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21	tacrolimus CAPS	55
stannous fluoride CONC	55	SULFAMYLON CREA	40	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	55
STELARA 130 MG/26ML	46	sulfasalazine TABS	46	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	34
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	39	sulfasalazine TBEC	46	tadalafil 5 MG	33
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39	sulindac TABS	4	TAFINLAR CAPS	27
STELARA SOSY 90 MG/ML	39	sumatriptan	53	tafluprost	59
STENDRA (avanafil)	33	sumatriptan succinate SOAJ	53	TAGRISSO 40 MG	24
STIOLTO RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOCT	53	TAGRISSO 80 MG	24
STIVARGA	27	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	53	TAKHZYRO SOLN	48
STRENSIQ	45	sumatriptan succinate TABS	53	TAKHZYRO SOSY	48
streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan-naproxen sodium	52	TALZENNA	27
STRIBILD	31	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50		tamoxifen citrate TABS	25
STRIVERDI RESPIMAT	10			tamsulosin hcl	47
SUBLOCADE SOSY	7			TASIGNA 150 MG, 200 MG (nilotinib	

hcl)27	SOLN IJ 200 MG/ML7	tiopronin TBEC 300 MG47
TASIGNA 50 MG (nilotinib hcl)27	testosterone cypionate SOLN IM ...7	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG9
tavaborole38	testosterone enanthate SOLN IM ...7	TIVICAY TABS31
TAVALISSE48	TETANUS-DIPHTHERIA TOXOIDS	tizanidine hcl CAPS57
tazarotene CREA 0.1 %39	TD SUSP62	tizanidine hcl TABS57
TAZVERIK27	tetrabenazine60	tobramycin (ophth) SOLN58
TDVAX SUSP62	tetracycline hcl CAPS62	tobramycin NEBU2
TEFLARO34	THALOMID55	tobramycin sulfate SOLN IJ 2 GM/50ML, 10 MG/ML, 80 MG/2ML .2
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 13	theophylline ELIX10	tobramycin-dexamethasone SUSP 58
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 13	theophylline SOLN10	TODAY SPONGE MISC66
telmisartan20	theophylline TB1210	tolcapone28
telmisartan-amlodipine21	theophylline TB2410	tolmetin sodium CAPS4
telmisartan-hydrochlorothiazide ...21	THERANATAL CORE NUTRITION	tolmetin sodium TABS 600 MG4
temazepam49	TABS56	TOLSURA CAPS18
TEMODAR SOLR23	THIOLA EC TBEC 100 MG	tolterodine tartrate CP2464
temozolomide CAPS23	(tiopronin)47	tolterodine tartrate TABS64
temsirolimus27	THIOLA EC TBEC 300 MG	tolvaptan TABS45
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU62	(tiopronin)47	tolvaptan TBPK 15 MG45
tenofovir disoproxil fumarate TABS 31	thioridazine hcl30	topiramate CPSP 15 MG13
terazosin hcl20	thiotepa 15 MG23	topiramate CPSP 25 MG13
terbinafine hcl TABS18	thiothixene30	topiramate CS2413
terbutaline sulfate SOLN10	THYMOGLOBULIN55	topiramate TABS 200 MG13
terbutaline sulfate TABS10	THYROGEN 0.9 MG42	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .13
terconazole vaginal CREA66	tiagabine hcl13	topiramate TABS 50 MG13
terconazole vaginal SUPP66	TIBSOVO27	topotecan hcl SOLR28
teriflunomide61	ticagrelor 60 MG, 90 MG48	toremifene citrate25
teriparatide SOPN44	tigecycline62	torsemide TABS43
TESTOSTERONE CYPIONATE	timolol maleate (ophth) SOLG57	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)
	timolol maleate (ophth) SOLN57	
	timolol maleate TABS32	
	tiopronin TBEC 100 MG47	

33	trifluridine	58	
tramadol hcl TABS 50 MG	6	trihexyphenidyl hcl SOLN	28
tramadol hcl TB24	6	trihexyphenidyl hcl TABS	28
tramadol-acetaminophen	7	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG ..	15
trandolapril 1 MG, 2 MG	20	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
trandolapril 4 MG	20	TRIKAFTA TBPK	61
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21	trimethobenzamide hcl CAPS	17
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	trimethoprim TABS	21
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	49	trimipramine maleate CAPS	14
tranexamic acid TABS	49	TRINTELLIX	14
tranylcypromine sulfate	13	TRIUMEQ TABS	31
travoprost SOLN	59	TRIZIVIR	31
TRAZIMERA	24	TROJAN BARESKIN DEVI	51
trazodone hcl TABS	14	TROJAN MAGNUM MISC	51
TRELEGY ELLIPTA	10	TROJAN ULTRA THIN MISC	51
TRELSTAR MIXJECT	25	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	51
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	39	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 51	
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 39		TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 51	
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	46	tropicamide SOLN 0.5 %	57
TREMFYA SOLN IV	46	tropicamide SOLN 1 %	57
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	39	tropium chloride CP24	64
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 46		tropium chloride TABS	64
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	46	TRUE COVER DEVI	51
treprostinil SOLN IJ	33	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	42
tretinoin (chemotherapy)	28	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...	52
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	37	TRULANCE	46
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	37		
tretinoin microsphere 0.1 %	37		
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24		
triamcinolone acetonide (mouth) ..	55		
triamcinolone acetonide (nasal) AERO	57		
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	41		
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	41		
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	41		
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	41		
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	41		
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41		
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41		
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML	36		
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43		
triamterene & hydrochlorothiazide TABS	43		
triamterene CAPS	43		
triazolam	49		
TRICARE TABS	56		
trientine hcl 250 MG	54		
trifluoperazine hcl TABS	30		

TRULICITY	16	TYVASO REFILL KIT SOLN IN	33	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12
TRUMENBA 0.5 ML	64	TYVASO SOLN IN	33	vancomycin hcl CAPS	21
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	51	TYVASO STARTER KIT SOLN IN ..	33	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG	22
TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDED MISC	51	UBRELVY	52	vancomycin hcl SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML ..	21
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	51	UDENYCA ONBODY SOSY	49	VAQTA	66
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	51	UDENYCA SOAJ	49	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	66
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	51	UDENYCA SOSY	49	varenicline tartrate TABS	61
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	51	umeclidinium-vilanterol	10	varenicline tartrate TBPB	61
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	51	UPTRAVI TABS 200 MCG	34	VARIVAX SUSR	66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 51		UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	34	VARUBI (180 MG DOSE) TBPB ...	17
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	51	UPTRAVI TITRATION TBPB	34	VAXELIS SUSP	63
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	51	ursodiol CAPS	46	VAXELIS SUSY	63
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC . 51		ursodiol TABS	46	VAXNEUVANCE	64
TRUSTEX-NONOXYNOL- 9/RIB/STUD MISC	51	UVADEX	28	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	66
TRUXIMA	24	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	VECAMEYL	21
TUKYSA	24	valacyclovir hcl 1 GM	32	VECTIBIX 100 MG/5ML	24
TURALIO 125 MG	27	valacyclovir hcl 500 MG	32	venlafaxine hcl CP24	14
TWINRIX SUSY	66	valganciclovir hcl TABS	31	venlafaxine hcl TABS	14
TWIRLA	35	valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	venlafaxine hcl TB24	14
TYBLUME CHEW	35	valproic acid CAPS	13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	33
TYBOST	31	valrubicin	26	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	33
TYMLOS	44	valsartan TABS	20	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	33
		valsartan-hydrochlorothiazide	21	verapamil hcl TABS	33
		VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	12	verapamil hcl TBCR	33
		VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	12	VEREGEN	37
		VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	12	VERZENIO	27

VICTOZA (liraglutide)	16	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	51	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300	
vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	52	MG/2ML	9
vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	52	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9
VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	52	XOSPATA	27
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	52	XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY)	
vincristine sulfate	28	XALKORI CAPS	27	50 MG	25
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28	XARELTO STARTER PACK TBPK		XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY)	
VIRACEPT TABS 250 MG	31	10		40 MG	25
VIRACEPT TABS 625 MG	31	XARELTO SUSR 1 MG/ML		XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY)	
VIREAD POWD	31	(rivaroxaban)	11	40 MG	25
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,		XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY)	
250 MG	31	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG		60 MG	25
VISTOGARD	17	(rivaroxaban)	11	XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) .	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	67	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11	25	
VITATHELY WITH GINGER TABS		XELJANZ SOLN	2	XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY)	
56		XELJANZ TABS 10 MG	2	40 MG	25
VITRAKVI CAPS	27	XELJANZ TABS 5 MG	2	XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) .	
VITRAKVI SOLN	27	XELJANZ XR TB24	2	25	
VIVITROL	17	XGEVA SOLN	44	XTANDI CAPS	25
VIZIMPRO	24	XHANCE EXHU	57	XTANDI TABS 40 MG	25
VORAXAZE	28	XIFAXAN 200 MG	21	XTANDI TABS 80 MG	25
voriconazole TABS	18	XIFAXAN 550 MG	21	XULTOPHY	15
VOSEVI	31	XIGDUO XR (dapagliflozin		XYNTHA	48
VYNDAMAX	34	propanediol-metformin hcl)	15	XYNTHA SOLOFUSE	48
VYNDAQEL	34	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500		YERVOY	24
warfarin sodium TABS	10	MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	YONSA	25
water for irrigation, sterile	55	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000		YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3
WESTAB PLUS TABS	56	MG-5 MG	15	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	51	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300		YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	51	MG/2ML	9	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	51	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9	AJKT	3
		XOLAIR SOLR	9	zafirlukast	9
				zaleplon 10 MG	49

zaleplon 5 MG	49	zolmitriptan SOLN	53
ZALTRAP 100 MG/4ML	24	zolmitriptan TABS	53
ZANOSAR	23	zolmitriptan TBDP	53
ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13	zolpidem tartrate TABS	49
ZARXIO	49	zolpidem tartrate TBCR	49
ZEJULA CAPS	27	zonisamide CAPS	13
ZEJULA TABS 100 MG	27	ZONTIVITY	48
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	27	ZORBTIVE SC	44
ZELBORAF	27	ZUBSOLV SUBL	7
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	43	ZYDELIG	27
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	43		
zidovudine CAPS	31		
zidovudine SYRP	31		
zidovudine TABS	31		
zileuton TB12	9		
ziprasidone hcl	29		
ZIRABEV	24		
ZIRGAN GEL	58		
ZOLADEX 10.8 MG	25		
ZOLADEX 3.6 MG	25		
zoledronic acid CONC	44		
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 44			
ZOLINZA	27		

Ambetter from Arkansas Health & Wellness được bảo lãnh bởi Celtic Insurance Company (có tên thương mại là Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc., và QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc. Đây là những công ty phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện tại Thị Trường Bảo Hiểm Sức Khỏe Arkansas. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2024 Celtic Insurance Company (có tên thương mại là Arkansas Health and Wellness Insurance Company), QCA Health Plan, Inc., và QualChoice Life & Health Insurance Company, Inc., Ambetter.ARhealthwellness.com. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter from Arkansas Health & Wellness mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.